TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT
Ngày 18 - 12 - 2023
V/v: "Kiện yêu cầu hủy hợp đồng giao khoán và bồi thường thiệt hại về rừng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

2. Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2023/TLPT-KDTM ngày 12/10/2023 về việc "*Kiện yêu cầu hủy hợp đồng giao khoán và bồi thường thiệt hại về rừng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty K; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Long V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Đức C; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C1- Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc N, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H - Chi cục trưởng - Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người có kháng cáo:* Bị đơn Công ty T.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cuối năm 2011 UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi 892,74 ha đất rừng do Công ty T (gọi tắt là Công ty T) đang trực tiếp quản lý, để giao lại cho Công ty K (gọi tắt là Công Ty K) – Công ty T là hai Công ty liên doanh liên kết, với tỷ lệ góp vốn: Công ty K 70%, Công ty T 30%.

Ngày 30/5/2012 Công ty K và Công ty T trao đổi, bàn bạc, thống nhất việc giao, nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng. Theo đó, Công ty T đồng ý và ký kết Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số: 49/HĐKTKT, nhận khoán bảo vệ diện tích 892,74 ha đất rừng của Công ty K với thời hạn 10 năm, kể từ ngày 01/6/2012 đến ngày 01/6/2022, với giá tiền công quản lý, bảo vệ: 300.000 đồng/ha/năm. Ngày 01/6/2012, Công ty K và Công ty T đã làm thủ tục bàn giao, nhận đất rừng (có sơ đồ diện tích và biên bản bàn giao đất rừng kèm theo).

Kể từ khi giao kết thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán số: 49/HĐKTKT và lập Biên bản giao nhận đất, rừng đến nay, hàng năm Công ty K đã thanh toán đầy đủ tiền công cho Công ty T, cụ thể:

+ Ngày 15/7/2013 thanh toán: 267.822.000 đồng;

+ Ngày 28/11/2014 thanh toán: 267.000.000 đồng;

+ Ngày 25/12/2015 thanh toán: 267.186.900 đồng;

+ Ngày 31/10/2016 thanh toán: 133.911.000 đồng;

+ Ngày 24/3/2017 thanh toán: 267.822.000 đồng.

Tổng cộng số tiền đã thanh toán cho Công ty T cho đến hết năm 2017 là: 1.203.741.900 đồng.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước yêu cầu Công ty T phải thực hiện đề án thành lập Công ty TNHH 02 thành viên. Cuối năm 2016 đầu năm 2017 Công ty T bàn bạc, thỏa thuận cùng Công ty S (Sau đây viết gọn là Công ty S) để thành lập Công ty 02 thành viên, xin chủ trương của UBND tỉnh xin thoái vốn góp với Công ty K và xin nhận lại diện tích 892,74 ha đất rừng của Công ty K giao khoán Công ty T quản lý, bảo vệ để đưa vào Công ty TNHH 02 thành viên (T - S).

Khi 03 bên trao đổi, bàn bạc, bước đầu Công ty S đồng ý, nhưng sau khi tổ chức cuộc họp chung giữa 03 Công ty thì Công ty S thay đổi ý kiến, không nhận lại đất rừng của Công ty K do Công ty T nhận khoán; vì vậy ý tưởng trao đổi, bàn bạc ban đầu nói trên không thành.

Cũng trong khoảng thời gian này, Công ty T không toàn tâm đến công tác quản lý, bảo vệ rừng đã nhận khoán, để cho kẻ xấu lợi dụng, lấn chiếm, phá hàng trăm ha đất và cây rừng. Trước tình trạng trên, Công ty K đã rất nhiều lần gặp trực tiếp để trao đổi và gửi nhiền văn bản đề nghị Công ty T phải tiếp tục đề cao trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ đất, rừng theo hợp đồng, nhưng Công ty T vẫn lơ là, thậm chí còn ban hành một số Công văn, Thông báo với nội dung đơn phương chấm dứt hợp đồng kể từ đầu quý II/2017. Mặc dù Công ty K đã có báo cáo, tờ trình việc này lên UBND tỉnh và các Sở chức năng của tỉnh và huyện E để xin ý kiến chỉ đạo, xử lý. Bên cạnh đó, Công ty K đồng ý nhận lại đất rừng giao khoán và đã mời Công ty T đến để làm việc, về việc khảo sát hiện trạng rừng và tiến hành đo đạc, đánh giá hiện trạng rừng và chịu kinh phí kiểm tra, đánh giá thực trạng đất, rừng để bàn giao và thanh lý hợp đồng, nhưng Công ty T vẫn nhiều lần khước từ, không tham gia, đồng thời, thông báo bằng văn bản, xác định rằng kể từ ngày Công ty T nhận khoán quản lý, bảo vệ đất rừng đến nay đã bị lấn, chiếm 123,12 ha và yêu cầu Công ty K nhận lại diện tích đất, rừng theo số liệu Công ty T tổng hợp, báo cáo nói trên.

Nhận thấy, cách làm việc của Công ty T như thế là tùy tiện, không tôn trọng thực tế khách quan, không đúng quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, giao dịch dân sự, không thiện chí, hợp tác khảo sát, đánh giá lại hiện trạng rừng để bàn giao và cũng chẳng hề đá động gì đến trách nhiệm, Công ty T trong 05 năm đã để mất 123,12 ha đất rừng nhận khoán của Công ty K bị lấn, chiếm. Như vậy, Công ty T đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng số: 49/HĐKTKT, ngày 30 tháng 5 năm 2012, thiếu trách nhiệm, làm thiệt hại hàng trăm ha đất rừng của Công ty K thuê của UBND tỉnh gây ảnh hưởng xấu đến việc sản xuất, kinh doanh của Công ty K và làm mất mát tài nguyên đất rừng của Nhà nước.

Mặc dù Công ty T hành xử như vậy, nhưng để giữ tình cảm, mối quan hệ đoàn kết tốt đẹp giữa 02 Công ty; Trước khi khởi kiện Công ty T ra Tòa án, ngày 27/4/2018 Công ty K đã làm bức thư ngõ gửi Công ty T (đồng kính gửi UBND tỉnh và các Sở chức năng của tỉnh để báo cáo), đề nghị Công ty T cùng với Công ty K mời đơn vị chuyên môn, ký Hợp đồng khảo sát hiện trạng rừng, tiến hành đo đạc, đánh giá thực trạng đất, rừng để có số liệu bàn giao, thanh lý hợp đồng, nhưng Công ty T vẫn cố tình phớt lờ, im lặng, không trả lời cho Công ty K biết.

Nay Công ty K yêu cầu giải quyết:

Hủy hợp đồng kinh tế kỹ thuật số: 49/HĐKTKT ngày 30/5/2012 giữa Công ty K và Công ty T đã ký kết về việc giao, nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng.

Đối với phần thiệt hại về rừng, Công ty K yêu cầu Công ty T bồi thường theo giá trị bị thiệt hại do Công ty B thực hiện được tính đến năm 2019 là [Giá trị rừng tự nhiên theo dự án đầu tư quản lý bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 là 94.896.042.102 đồng (đã khấu trừ giá trị thiệt hại của 71,15 ha diện tích nương rẫy bị thiệt hại trước khi bàn giao quản lý, bảo vệ) - Giá trị rừng tự nhiên theo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp năm 2019 là 2.715.568.368 đồng] = 92.180.473.734 đồng.

Số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại về giá trị rừng, Công ty K sẽ báo cáo lên UBND tỉnh Đắk Lắk để xin chủ trương và nộp vào ngân sách tỉnh. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

**Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của bị đơn trình bày:*

Năm 2012 Công ty T (gọi tắt Công ty T) và Công ty K (gọi tắt Công ty K) đã ký hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT-CT ngày 30/5/2012 về việc hợp đồng nhận khoán gọn hạng mục quản lý, bảo vệ rừng. Năm 2016 Công ty T do nguồn nhân lực thiếu không đảm bảo trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, dẫn đến việc nhận khoán hạng mục quản lý, bảo vệ rừng của Công ty K gặp nhiều khó khăn, không hoàn thành công việc quản lý, bảo vệ, nên Công ty T có Công văn số 65/CV-CT ngày 26/10/2016 về việc thanh lý hợp đồng số 49/HĐKT. Nguyên trước đó ngày 15/8/2016 Công ty T đã gửi biên bản về nội dung thanh lý hợp đồng và đã nhiều lần gọi điện thoại đôn đốc, đề nghị thanh lý hợp đồng nhưng không thấy Công ty K phản hồi.

Công ty T tiếp tục có Công văn số 79/CV-CT ngày 21/11/2016 về việc tiếp tục đề nghị thanh lý hợp đồng nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng số 49/HĐKT và nêu rõ Công ty T đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án lao động (tổng số 14 nhưng xin chấm dứt hợp đồng lao động là 7 người, nguồn nhân lực giảm một nữa), cùng với đó Công ty T đã quyết định xin thoái vốn đầu tư liên kết kinh doanh cao su để thuận lợi cho việc Công ty K chủ động trong sản xuất kinh doanh. Nhưng Công ty Kvẫn tiếp tục đề nghị Công ty T thực hiện hợp đồng là điều không thể và ngoài khả năng của Công ty T.

Ngày 10/02/2017 Công ty T có Công văn số 08/CV-CT về việc đề nghị thanh lý hợp đồng khoán quản lý bảo vệ rừng số 49 ngày 30/5/2012 và sau 15 ngày Công ty K không thanh lý hợp đồng thì Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng. Việc đơn phương thanh lý hợp đồng của Công ty T là có căn cứ. Vì từ 15/8/2016 Công ty T đã gửi biên bản thanh lý hợp đồng cùng với các công văn

cho đến đầu tháng 3/2017 (hơn 6 tháng ra thông báo). Ngoài ra theo hợp đồng 49 thì Công ty T có quyền đề nghị thanh lý hợp đồng (tại khoản 2 Điều 2 của HĐ 49).

Căn cứ vào hợp đồng 49 đã ký kết Công ty K đã vi phạm hợp đồng vì trong quá trình Công ty T thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng tại diện tích nhận khoán thì Công ty K không phối hợp với Công ty T để kiểm tra và nghiệm thu hằng năm (tại khoản 1 Điều 2).

Sau đó Công ty K có công văn trả lời số 01/CV-CT và Công ty T có Công văn số 16/CV-CT ngày 02/3/2017 về việc từ chối Công văn số 01/CV-CT ngày 21/02/2017 của Công ty K và đơn phương thanh lý hợp đồng khoán quản lý, bảo vệ rừng, nêu rõ mọi thiệt hại về rừng theo hợp đồng số 49 Công ty T không chịu trách nhiệm. Sau đó Công ty T gửi Công văn số 59/CV-CT ngày 08/8/2017 về việc phúc đáp công văn số 14/CV-CT ngày 25/7/2017 của Công ty K và Công văn số 66/CV-CT ngày 25/9/2017 về việc phúc đáp công văn 23/CV-Cty ngày 19/9/2017 Công ty K nêu rõ Công ty T thực hiện hợp đồng là điều không thể và ngoài khả năng của Công ty T.

Trong các năm nhận quản lý bảo vệ rừng, Công ty T đề nghị nghiệm thu theo các Công văn số 104/CV-CT ngày 28/12/2013 và Công văn số 133/CV-CT ngày 29/12/2015 của Công ty T về việc đề nghị nghiệm thu kết quả quản lý bảo vệ rừng hàng năm. Nhưng Công ty K không nghiệm thu mà đồng ý chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T. Số tiền mà Công ty K đã trả cho Công ty T là 1.203.741.900 đồng (tương đương 4,5 năm tính từ ngày 30/5/2012 đến 31/12/2016). Vậy từ đầu năm 2017 đến nay Công ty T không nhận bất cứ khoản tiền nào từ Công ty K. Chính vì lẽ đó từ năm 2017 Công ty T không còn trách nhiệm đối với hợp đồng số 49 này nữa.

Theo hợp đồng số 49 thì thời gian hợp đồng là 10 năm bắt đầu từ ngày 30/5/2012. Lúc bấy giờ Công ty T khó khăn về tài chính, cán bộ công nhân viên nhiều tháng không có lương. Cùng với đó diện tích hợp đồng này là diện tích Công ty T đã quản lý từ trước đến giờ nên Công ty T ký kết hợp đồng với Công ty K để tiếp tục nhận khoán quản lý và bảo vệ. Nếu Công ty T không chuyển đổi thành Công ty 2 thành viên thì nhân lực Công ty đủ để quản lý diện tích theo hợp đồng. Do đang trong thời kỳ chuyển đổi Công ty 2 thành viên, nên Công ty không tự chủ được nguồn nhân lực và còn phải phụ thuộc vào đối tác 2 thành viên.

Vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên Công ty T không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng số 49 được nữa. Công ty T đã nhiều lần khẩn thiết đề nghị thanh lý hợp đồng nhưng Công ty K không đồng ý mà đề nghị Công ty T tiếp tục thực

hiện hợp đồng là không đúng nguyên tắc, ép Công ty T cho dù hợp đồng có hiệu lực là 10 năm. Bản thân Công ty T là đơn vị làm thuê cho Công ty K trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Nếu Công ty K có trách nhiệm đối với diện tích rừng được UBND tỉnh giao, thì hằng năm phải tổ chức nghiệm thu cũng như thống kê lại diện tích rừng hiện có. Vậy coi như Công ty T làm tốt theo hợp đồng đã ký kết.

Sau nhiều lần Công ty T đề nghị thanh lý hợp đồng và đơn phương thanh lý hợp đồng thì Công ty K bỏ im không thấy làm việc và buông lỏng không quản lý, kiểm tra, tuần tra, nhiều người dân lợi dụng chặt phá, lấn chiếm rừng trái phép làm cho diện tích rừng suy giảm, trách nhiệm này thuộc về Công ty K và cũng là chủ thể được UBND tỉnh Đăk Lăk giao diện tích rừng và đất lâm nghiệp.

Đến ngày 11/12/2017 Công ty K có Công văn số 33/CV-Cty về việc triển khai phúc tra hiện trạng rừng giao nhận khoán của 2 công ty tại tiểu khu 120, 121 và đề nghị Công ty T tham gia phúc tra lại diện tích rừng nhưng Công ty T không đồng ý. Bởi thời gian Công ty T đã yêu cầu thanh lý hợp đồng và cuối cùng đơn phương chấm dứt hợp đồng so với thời gian Công ty K yêu cầu phúc tra là khá dài (gần 1 năm), diện tích rừng đã thay đổi từ khi Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng vào đầu năm 2017. Do đó, không có cơ sở để Công ty T chấp nhận số liệu phúc tra hiện trạng rừng.

Công ty K đề nghị bồi thường hợp đồng là vô căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã kịp thời phát hiện 163 vụ vi phạm với diện tích 123,12 ha và báo cáo cơ quan chức năng theo quy định. Cùng với đó Công ty T đề nghị thanh lý hợp đồng kéo dài gần 1 năm mà Công ty K không đồng ý mà cũng không hợp tác với Công ty T để giải quyết khó khăn, hợp tác cùng nhau bảo vệ rừng được tốt. Nếu Công ty K có trách nhiệm trên diện tích rừng được UBND tỉnh giao thì không để xảy ra tình trạng trên.

Công ty T thống nhất với Công ty K về việc hủy Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số: 49/HĐKTKT ngày 30/5/2012 giữa Công ty K và Công ty T đã ký kết về việc giao, nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về rừng mà Công ty K yêu cầu Công ty T bồi thường theo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp năm 2019 là 92.180.473.734 đồng, Công ty T không đồng ý bồi thường.

**Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Đây là tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng giữa Công ty K và Công ty T, UBND tỉnh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để

giải quyết, UBND tỉnh không có ý kiến gì. Việc UBND tỉnh giao đất rừng cho Công ty K thực hiện dự án đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhưng Công ty K không trực tiếp quản lý, bảo vệ mà giao khoán lại cho Công ty T quản lý bảo vệ và để xảy ra diện tích rừng bị thiệt hại thì UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm của Công ty K.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số: 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 483, 484, 485, 486, 487, 488 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

[1]. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty K và Công ty T thỏa thuận hủy hợp đồng kinh tế kỹ thuật số: 49/HĐKTKT, ngày 30 tháng 5 năm 2012, về việc nhận khoán gọn hạng mục quản lý và bảo vệ rừng.

[2]. Buộc Công ty T bồi thường cho Công ty K 92.180.473.734 đồng (chín mươi hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi bốn đồng). Sau khi nhận tiền bồi thường, Công ty K có trách nhiệm nộp số tiền này vào ngân sách Nhà Nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Kiến nghị UBND tỉnh Đăk Lăk xem xét trách nhiệm của các đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ rừng khi được Nhà nước giao.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2023, Công ty T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/8/2023, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị số 566/QĐ-VKS-KDTM đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lắk xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Công ty T.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 566/QĐ-VKS-KDTM ngày 21/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hủy Bản án kinh doanh thương mại số 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm trong hạn luật định, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Công ty T và Quyết định kháng nghị số 566/QĐ-VKS-KDTM ngày 21/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thấy rằng:

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk có các vi phạm như sau:

- *Về thu thập chứng cứ để xem xét hiệu lực của hợp đồng số 49/HĐKTKT:*

UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 2408/QĐ-UBND và Quyết định số 1954/QĐ-UBND cho Công ty K thuê đất để thực hiện dự án trồng cao su và quản lý, bảo vệ rừng. Công ty K là chủ rừng, có trách nhiệm quản lý và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không thu thập các dự án của công ty K được UBND tỉnh phê duyệt và các hợp đồng thuê đất, để xem xét phương án quản lý, bảo vệ rừng của công ty trong quá trình thực hiện dự án như thế nào. Từ đó, đánh giá tính pháp lý của hợp đồng kinh tế kỹ thuật số 49/HĐKTKT là có hiệu lực hoặc không có hiệu lực, làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ (là 163 hồ sơ báo cáo các vụ xâm phạm, chặt phá rừng) để xem xét vị trí phần diện tích 123,12ha rừng Công ty

K để bị mất, bị xâm chiếm, gây thiệt hại tính đến hết Quý 2/2017 để xác định giá trị thiệt hại đối với phần diện tích này là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- *Về xác định tư cách tố tụng của đương sự:* Công ty B là người được Tòa án và Công ty K ký hợp đồng đo đạc, xác định diện tích đất rừng và giá trị thiệt hại trong quá trình giải quyết vụ án, không phải là người biết các tình tiết liên quan đến nội dung vụ án. Bản án sơ thẩm xác định Công ty B là người làm chứng trong vụ án là không đúng quy định tại Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

-*Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:* Trong trường hợp hợp đồng có hiệu lực pháp luật, Công ty T có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng và không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng kể từ quý II năm 2017, cả hai bên đều không tiếp tục thực hiện hợp đồng kể từ thời điểm này (thể hiện qua việc công ty T không thực hiện việc quản lý và bảo vệ rừng, công ty K cũng không chi trả tiền thêm cho công ty T). Do vậy, phải xem xét giải quyết tranh chấp hợp đồng với hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của công ty T theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự. Hợp đồng kết thúc ngày 01/6/2022, đến ngày xét xử, hợp đồng đã đã hết thời hạn nhưng Bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại các Điều 483, 484, 485, 486, 487, 488 Bộ luật Dân sự, giải quyết công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc hủy bỏ hợp đồng và giải quyết bồi thường thiệt hại là không phù hợp với các quy định tại Điều 422, Điều 423, Điều 427, Điều 428 Bộ luật Dân sự.

- *Về đánh giá chứng cứ để xác định giá trị thiệt hại đối với hợp đồng số 49/HĐKTKT:*

Trích lục bản đồ địa chính số 468/TL-VPĐKQSDĐ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE766209 ngày 25/10/2011 cấp cho công ty K thể hiện: Trong diện tích 707,54ha được cấp có 691,80ha đất rừng; Trích lục bản đồ địa chính số 88/TL-VPĐKQSDĐ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 202998 ngày 14/4/2016 thể hiện: trong diện tích 777,80ha có 124,92ha đất rừng. Như vậy, tổng diện tích đất rừng theo 02 Giấy chứng nhận cấp cho công ty K, tính đến năm 2016 là: 816,72ha. Biên bản bàn giao ngày 01/6/2012 và biên bản đối chất ngày 01/3/2022 các bên thống nhất: Trong 892,74ha tại tiểu khu 120, 121 (có 821,59ha rừng và 71,15 ha nương rẫy), bao gồm: 707,54ha (có 691,8ha đất rừng) theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND và 185 ha thuộc một phần diện tích theo Quyết định số 1954/QĐ-UBND.

Tại "Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại lâm phần quản lý của công ty K" và Biên bản phúc tra ngày 26/3/2019 thể hiện: Diện tích 933,61ha thuộc tiểu khu 119, 120, 121 của công ty K đưa vào điều tra (chênh lệch 40,87ha so với diện tích 892,74ha thuộc tiểu khu 120, 121 được bàn giao theo hợp đồng 49/HĐKTK) được xác định theo phương pháp: Tổng diện

tích UBND tỉnh Đắk Lắk giao 1.485,34ha trừ đi diện tích khai hoang trồng cao su năm 2010-2011 (552,18ha). Cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ 892,74ha theo hợp đồng thuộc lô, khoảnh nào trong tổng diện tích 933,6ha được điều tra, diện tích có rừng, không có rừng trong số này là bao nhiêu để đối chiếu với kết quả "Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại lâm phần quản lý của công ty K", dẫn đến bản án xác định chưa chính xác diện tích rừng bị thiệt hại trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng.

Bản án căn cứ "Báo cáo kết quả xác định giá trị rừng tự nhiên theo dự án đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 và kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại lâm phần quản lý của công ty K" để xác định thiệt hại nhưng báo cáo này được thực hiện trong phạm vi: Diện tích 691,8ha rừng tự nhiên theo dự án đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 (theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND, diện tích 707,54ha có 691,8ha đất rừng cho thuê thực hiện Dự án quản lý và bảo vệ rừng năm 2011), còn lại 185ha (thuộc một phần diện tích theo Quyết định số 1954/QĐ-UBND) theo hợp đồng số 49/HĐKTKT có bao nhiêu diện tích rừng bị thiệt hại thì chưa được xác định, định giá làm rõ thiệt hại.

- *Về đánh giá, xác định lỗi đối với thiệt hại xảy ra:* Công ty T xác định từ năm 2012 đến 31/12/2016 đã để xảy ra thiệt hại về rừng với tổng diện tích 123,12ha (nhiều nhất là năm 2014: 54ha), có bản thống kê ngày 01/7/2017, có xác nhận của công ty K, tức là công ty K đã thống nhất với số liệu công ty T thống kê.

Cuối năm 2016 và đầu năm 2017, công ty T xác định không còn đủ năng lực thực hiện hợp đồng 49/HĐKTKT, nhiều lần đề nghị chấm dứt hợp đồng. Công ty K biết rõ công ty T không còn đủ năng lực nhưng không đồng ý thanh lý hợp đồng và vẫn đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng, tức là chấp nhận rủi ro xảy ra. Sau khi công ty T có văn bản cuối cùng đề nghị thanh lý và sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng vào tháng 7/2017, với trách nhiệm là chủ rừng, công ty K không có các biện pháp để thực hiện việc quản lý bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật, dẫn đến diện tích rừng giảm mạnh sau thời điểm công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bản án sơ thẩm không xem xét, đánh giá, xác định lỗi, mức độ lỗi của công ty K đối với thiệt hại xảy ra kể từ thời điểm quý 2/2017 về sau, mà buộc công ty T chịu toàn bộ giá trị thiệt hại đối với diện tích 442,51 ha trừ đi 71,15 ha bị thiệt hại trước khi bàn giao và giá trị rừng của năm 2019 là không đúng.

Do cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan, toàn diện, không

xem xét lỗi của các bên trong thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, Vì vậy. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đăk Lăk. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4].Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bị đơn Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty T.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 566/QĐ-VKS-KDTM ngày 21/8/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk.

Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3].Về án phí dân sự phúc thẩm*:* Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Thành C1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011575 ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng